

Bản án số: 62/2018/HN-ST
Ngày: 01/10/2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Phạm Thị Em**

2. Ông Nguyễn Trúc Việt

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 485/2018/TLST- HN ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST- HN ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Thành T, sinh năm 1977

Địa chỉ: 354 B, ấp N, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị Bảo C, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 354 B, ấp N, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(*Tại phiên tòa ông T có mặt, chị C vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2018, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Đặng Thành T trình bày:

Anh và chị C chung sống với nhau từ năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 1999. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Anh và chị C đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Nay anh xác định anh không còn tình cảm với chị C, anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh ly hôn với chị C. Sau khi ly hôn anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho anh.

Về con chung: anh và chị C có 01 con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 01/01/2011 hiện tại đang sống với chị C. Anh đồng ý giao con cho chị nuôi và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, chị Lưu Thị Bảo C trình bày: Chị và anh T kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị và anh T sống hạnh phúc. Có 04 con chung, một người con đã mất, hai người con chung đã làm giấy tờ cho người khác nhận làm con nuôi hợp pháp. Hiện tại còn một con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 01/01/2011. Cách nay 9 tháng chị phát hiện anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó anh T không về nhà nữa. Anh T yêu cầu ly hôn chị không đồng ý, chị còn thương chồng và chị cũng muốn con chị sống trong tình thương của cha mẹ. Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, và thông báo hòa giải, nhưng chị khẳng định chị không đến Tòa tham gia hòa giải. Tòa án cứ giải quyết đơn phương yêu cầu của anh T. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong những lần công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Nếu trường hợp Tòa buộc ly hôn chị đồng ý nhận nuôi con chung Đặng Gia H, sinh ngày 01/01/2011 và anh T cấp dưỡng bao nhiêu tùy ý anh T, chị không có ý kiến.

Tài sản chung: không có

Nợ chung: Không có.

Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre trình bày quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: căn cứ vào hồ vụ án và lời trình bày của các đương sự đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Thành T. Về con chung: đề nghị giao con chung Đặng Gia H, sinh ngày 01/01/2011 cho chị C nuôi, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Anh Đặng Thành T và chị Lưu Thị Bảo C sống chung vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 1999, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T yêu cầu giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải cho bị đơn chị Lưu Thị Bảo C để hòa giải với anh T nhưng chị C lại yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại phiên hòa giải, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nếu trường hợp Tòa buộc ly hôn chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh T cho rằng anh và chị C phát sinh mâu thuẫn vào năm 2017. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị C cho rằng anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, và đã sống ly thân hơn 9 tháng nay. Xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C là có thật. Chị C không đồng ý ly hôn, nhưng lại không có thiện chí đến tham gia phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án, mà lại yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị, điều đó cho thấy chị C không có thiện chí đưa ra phương cách để chị và anh T hòa giải những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Tại phiên tòa anh T vẫn cương quyết xin ly hôn với chị C. Hội đồng xét xử xét thấy, từ những nhận định trên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Thành T.

[5] Về con chung: Anh T đồng ý giao con chung cho chị C nuôi và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng cho đến khi H đủ 18 tuổi. Tại biên bản hỏi ý kiến con trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 07/9/2018, cháu Đặng Gia H thể hiện mong muốn được sống chung với mẹ. Đồng thời chị C cũng đồng ý nhận nuôi H và đồng ý nhận số tiền cấp dưỡng theo mức anh T tự nguyện cấp dưỡng. Nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T về mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng anh T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Thành T đối với chị Lưu Thị Bảo C.

Về hôn nhân: anh Đặng Thành T được ly hôn với chị Lưu Thị Bảo C.

*Về con chung:*Chị Lưu Thị Bảo C là người trực tiếp tiếp tục nuôi con chung tên Đặng Gia H sinh ngày 01/01/2011. Anh Đặng Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi H đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Thành T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận anh Đặng Thành T và chị Lưu Thị Bảo C tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: anh T và chị C thống nhất khai không có, nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: anh T và chị C thống nhất tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng anh T phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019085 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Anh Đặng Thành T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lưu Thị Bảo C được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Ánh